Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 3827.39.10

Mã HS	3827.39.10
Mô tả hàng hóa	Các hỗn hợp chứa các dẫn xuất đã halogen hóa của metan, etan hoặc propan, chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác / - Chứa hydrochlorofluorocarbons (HCFCs), chứa hoặc không chứa perfluorocarbons (PFCs) hoặc hydrofluorocarbons (HFCs), nhưng không chứa chlorofluorocarbons (CFCs): / - - Loại khác: / - - - Dầu dùng cho máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng) và bộ phận ngắt mạch, có hàm lượng nhỏ hơn 70% tính theo trọng lượng là dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ hoặc các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum (SEN)
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	12/11/2026 07:33:32
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/38273910/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K5565
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N5565
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q5565
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường	MT	Chịu thuế BVMT – xem biểu	579/2018/UBTVQH14	2018-09-26	BT2026!CV5565
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA	0	0%	116/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CP5565
Thuế XK ưu đãi UKVFTA	0	0%	117/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CS5565

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	3.5	3,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E5436
ATIGA	2022	2022	0	AT!E5397
ATIGA	2023	2023	0	AT!F5397
ATIGA	2024	2024	0	AT!G5397
ATIGA	2025	2025	0	AT!H5397
ATIGA	2026	2026	0	AT!I5397
ATIGA	2027	2027	0	AT!J5397
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E5441
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F5441
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G5441
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H5441

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I5441
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J5441
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E5439
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F5439
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G5439
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H5439
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I5439
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J5439
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F5441
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H5403
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F5399
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G5399
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H5399
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I5399
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J5399
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K5399
VKFTA	2022	2022	0	VK!E5408
VKFTA	2023	2023	0	VK!F5408
VKFTA	2024	2024	0	VK!G5408
VKFTA	2025	2025	0	VK!H5408
VKFTA	2026	2026	0	VK!I5408
VKFTA	2027	2027	0	VK!J5408
VCFTA	2022	2022	0	VC!D5449
VCFTA	2023	2023	0	VC!E5449
VCFTA	2024	2024	0	VC!F5449
VCFTA	2025	2025	0	VC!G5449

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H5449
VCFTA	2027	2027	0	VC!I5449
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D5450
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E5450
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F5450
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G5450
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H5450
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I5450
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D5453
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E5453
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F5453
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G5453
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H5453
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I5453
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D5422
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E5422
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F5422
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G5422
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H5422
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I5422
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D5424
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E5424
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F5424
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G5424
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H5424
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I5424

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D5422
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E5422
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F5422
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G5422
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H5422
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I5422
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J5422
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D5443
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E5443
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F5443
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G5443
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H5443
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I5443
RCEP B	2022	2022	0	B!D5443
RCEP B	2023	2023	0	B!E5443
RCEP B	2024	2024	0	B!F5443
RCEP B	2025	2025	0	B!G5443
RCEP B	2026	2026	0	B!H5443
RCEP B	2027	2027	0	B!I5443
RCEP C	2022	2022	0	C!D5443
RCEP C	2023	2023	0	C!E5443
RCEP C	2024	2024	0	C!F5443
RCEP C	2025	2025	0	C!G5443
RCEP C	2026	2026	0	C!H5443
RCEP C	2027	2027	0	C!I5443
RCEP D	2022	2022	0	D!D5443

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E5443
RCEP D	2024	2024	0	D!F5443
RCEP D	2025	2025	0	D!G5443
RCEP D	2026	2026	0	D!H5443
RCEP D	2027	2027	0	D!I5443
RCEP E	2022	2022	0	E!D5446
RCEP E	2023	2023	0	E!E5446
RCEP E	2024	2024	0	E!F5446
RCEP E	2025	2025	0	E!G5446
RCEP E	2026	2026	0	E!H5446
RCEP E	2027	2027	0	E!I5446
RCEP F	2022	2022	0	F!D5443
RCEP F	2023	2023	0	F!E5443
RCEP F	2024	2024	0	F!F5443
RCEP F	2025	2025	0	F!G5443
RCEP F	2026	2026	0	F!H5443
RCEP F	2027	2027	0	F!I5443
VIFTA	2024	2024	4,5	VI!F5009
VIFTA	2025	2025	4	VI!G5009
VIFTA	2026	2026	3.5	VI!H5009
VIFTA	2027	2027	3	VI!I5009

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 3827.39 có 2 dòng thuế; dòng 3827.39.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Dầu dùng cho máy biến điện (máy biến áp và máy biến dòng) và bộ phận ngắt mạch, có hàm lượng nhỏ hơn 70% tính theo trọng lượng là dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ hoặc các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum (SEN).	3827.39.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 3827.39.10 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 3827.39.10	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-003	YELLOW	Chịu thuế bảo vệ môi trường	Cột BVMT ghi “MT” – thuế tuyệt đối theo đơn vị hàng hóa.		109/2025/UBTVQH15	Tra mức thuế theo biểu BVMT 2026 và nhập số lượng để tính.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3827.39.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 3827.39.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N5565), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.